

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2017/HSST
Ngày: 05/12/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thương.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Tuyên và ông Lò Văn Pọm.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Phương Thảo, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:* Ông Giàng A Thái, Kiểm sát viên.

Vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2017/HSST ngày 01 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mùa A T**; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1979;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản L, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

Nghề nghiệp: Nông Nghiệp; trình độ văn hoá: Lớp 5.

Dân tộc: Mông; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không.

Con ông: Mùa Bua D (đã chết); con bà: Lầu Thị D, sinh năm 1950.

Bị cáo có vợ là: Vừ Thị K; sinh năm 1986 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2008; con nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2017 cho đến nay. Có mặt.

+ **Người bị hại:** Họ và tên: Mùa A C; sinh năm 1981; trú tại: Bản L, xã T, huyện T, tỉnh Đ. Có mặt.

+ **Người có nghĩa vụ liên quan:** Họ và tên: Lò Văn N; trú tại: Bản T, xã M, huyện T, tỉnh S. Vắng mặt.

+ **Người có quyền lợi liên quan:** Họ và tên: Vừ Thị K, trú tại: Bản L, xã T, huyện T, tỉnh Đ. Có mặt.

+ **Người làm chứng:** Họ và tên: Vừ Gà L; sinh năm 1971; trú tại: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh S. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Mùa A T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố về hành vi phạm tội như sau: Ngày 09/9/2017, Công an xã T, huyện T nhận được đơn đề nghị của anh Mùa A C trình báo về việc gia đình anh bị mất trộm 01 bao quả sa nhân khô để ở trong nhà vào khoảng 18 giờ ngày 09/9/2017.

Quá trình điều tra đã xác định được Mùa A T, sinh năm 1979, trú tại bản L, xã T, huyện T là người đã trộm cắp bao quả sa nhân khô của gia đình anh Mùa A C.

Tại cơ quan điều tra, Mùa A T khai nhận: khoảng 09 giờ ngày 9/9/2017, Mùa A T đi bộ lên nhà Mùa A P ở cùng bản để xem làm lý theo phong tục người dân tộc M. Đến 17 giờ cùng ngày thì về. Khi về đến nhà T nghĩ gia đình anh C cũng đang xem làm lý chưa về, gia đình C trồng nhiều sa nhân, chắc có sa nhân trong nhà. Mùa A T nảy sinh ý định trộm cắp sa nhân của anh C. T đi đến nhà anh C, đứng quan sát thấy cửa nhà vẫn đóng, trong nhà không có người liền đi vòng sau nhà tìm cách chui vào. Đến khu vực bếp thấy một tấm ván thưng nhà bị mọt, T dùng tay đẩy tấm ván đổ xuống rồi chui vào trong nhà. T tìm ở khu vực bếp rồi lên nhà nhưng không thấy. Tiếp tục vào phòng ngủ thì thấy hai bao sa nhân để trên mặt hòm ở dưới gầm giường. T vác 01 bao đi theo lối cũ ra ngoài rồi mang về nhà cất giấu rồi tiếp tục đi lên nhà P xem làm lý và uống rượu đến khoảng 20 giờ thì về. T gọi điện thoại cho anh Lò Văn N để hỏi bán sa nhân khô. Anh N đồng ý mua và hai bên thỏa thuận giá 600.000đ/1 kg sa nhân khô. Hai bên hẹn giao hàng tại nhà anh Vũ Gà L trú tại bản H, xã M, huyện T, tỉnh S. T đổ sa nhân vào hai bao xác rắn, dùng xe máy chở sa nhân đến nhà anh L. Số sa nhân cân được 16 kg. Anh N trả cho T 9.600.000đ. Anh N sau đó đã bán toàn bộ 16 kg cho một người không biết tên, địa chỉ. Cơ quan điều tra đã thu lại số tiền 9.600.000đ do bán sa nhân của T.

Ngày 11/9/2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra quyết định trưng cầu định giá tài sản số 135/TCĐG. Tại bản kết luận trị giá tài sản số 37/KL-GTTS ngày 11/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện T đã kết luận: 16 (mười sáu) kg sa nhân khô có giá trị là 9.600.000đ (chín triệu sáu trăm nghìn đồng) .

Tại bản cáo trạng số: 97/QĐ-VKS-HS ngày 01/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo về tội: Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS. Tại phiên tòa, vị đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm p, h khoản 1 Điều 46 BLHS xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù, không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 138 BLHS. Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS, trả lại cho Mùa A C số tiền 9.600.000đ, tịch thu 01 điện thoại di động, tịch thu bán sung quỹ nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe máy, trả lại cho chị Vũ Thị K 1/2 giá trị chiếc xe máy. Áp dụng Điều 42 BLHS, Điều 584; Điều 589 BLDS buộc bị cáo bồi thường tiền công đi tìm tài sản cho người bị hại. Áp dụng Điều 99 BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, miễn toàn bộ án phí HSST và DSST cho bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và các đương sự khác.

XÉT THẤY:

Lợi dụng thời điểm gia đình anh Mùa A C vắng nhà, vào lúc 20 giờ ngày 09/9/2017, bị cáo Mùa A T đã phá tấm ván thung nhà, đột nhập vào nhà anh Cửa trộm cắp 01 bao sa nhân. Bị cáo dùng xe máy chở đi bán cho anh Lò Văn N ở bản T, xã M, huyện T, tỉnh S để lấy 9.600.000đ. Sau khi bị phát hiện, bị cáo đã thừa nhận hành vi trộm cắp sa nhân và nộp cho cơ quan điều tra số tiền 9.600.000đ vào ngày 14/9/2017 (Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu).

Số sa nhân bị cáo trộm cắp có trọng lượng 16 kg được bị cáo và Lò Văn N là người mua sa nhân xác nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp sa nhân như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, tại giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác như: Đơn đề nghị và biên bản ghi lời khai của người bị hại; biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; lời khai của người có nghĩa vụ liên quan Lò Văn N; lời khai người làm chứng Vũ Gà L. Các chứng cứ này đã thể hiện rõ thời điểm, cách thức thực hiện hành vi trộm cắp, số tài sản trộm cắp, địa điểm tiêu thụ và nơi tiêu thụ tài sản của bị cáo. Giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 9.600.000đ. Bởi vậy, có căn cứ kết luận: Bị cáo Mùa A T phạm tội Trộm cắp tài sản. Tội phạm được qui định tại khoản 1 Điều 138 BLHS. Bởi vậy, kết luận của VKSND huyện T là đúng.

Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản một cách lén lút, lợi dụng lúc gia đình anh C đi vắng để trộm cắp và thời điểm đêm tối đi tiêu thụ để tránh bị phát hiện.

Xét tính chất vụ án thấy, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng nhưng xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của anh Mùa A C, gây mất trật tự an toàn khu vực gây hoang mang lo lắng cho người dân bản. Bởi vậy, cần xử lý bị cáo nghiêm minh trước pháp luật.

Song, xét bị cáo không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa và quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo nên được giảm nhẹ TNHS qui định tại các điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS. Giá trị tài sản trộm cắp đã được thu hồi nên cần giảm nhẹ mức hình phạt thấp cho bị cáo. Tuy nhiên, để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt cũng như để giáo dục phòng ngừa chung, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo một thời gian.

Về hình phạt bổ sung, xét thấy bị cáo là người nông dân, thu nhập thuần nông không có điều kiện về kinh tế nên không phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Mùa A C yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị sa nhân là 9.600.000đ và 5.000.000đ tiền công đi tìm kiếm cho 22 người trong 02

ngày; bồi thường 3.000.000đ thiệt hại theo tâm linh, theo lý dân tộc Mông. Xét yêu cầu bồi thường của anh Cửa về tiền công đi tìm là có căn cứ. Tuy nhiên, khoản thiệt hại về tiền công đi tìm kiếm cho 22 người với mức 5.000.000đ là không hợp lý. Chỉ có thể chấp nhận số người đi tìm là 03 người trong hai ngày với mức tiền công mỗi ngày 150.000đ theo mức ngày công lao động phổ thông ở địa phương và 100.000đ tiền xăng xe máy, tổng cộng là 1.000.000đ. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại 3.000.000đ về mặt tâm linh vì luật không qui định. Còn về số tiền cơ quan điều tra thu giữ 9.600.000đ là số tiền bị cáo bán sa nhân. Số tiền này đúng bằng giá trị 16 kg sa nhân theo định giá của hội đồng định giá, là tài sản của anh Cửa nên cần áp dụng Điều 41 BLHS trả lại cho anh C.

Như vậy, bị cáo Mùa A T chỉ phải bồi thường thiệt hại về công đi tìm cho người bị hại là 1.000.000đ.

Xét đề nghị của VKS và yêu cầu của người có quyền lợi liên quan, chị Vừ Thị K về việc trả lại 1/2 giá trị xe máy cho chị Vừ Thị K thấy rằng: Chiếc xe máy hiệu FIGO thuộc sở hữu của bị cáo Mùa A T, đăng ký xe mang tên Mùa A T nên về mặt pháp lý là tài sản của bị cáo. Không có căn cứ cho rằng xe là tài sản chung của chị Vừ Thị K. T đã dùng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội nên áp dụng Điều 41 BLHS, tịch thu toàn bộ chiếc xe để bán sung quỹ nhà nước.

Về vật chứng vụ án: Chiếc xe máy nhãn hiệu FIGO biển kiểm soát 27F9-5458 và chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung là của bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo nên cần áp dụng Điều 41 BLHS, tịch thu bán sung quỹ nhà nước.

Bị cáo sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử,

QUYẾT ĐỊNH:

- 1. Tội danh:** Tuyên bố bị cáo Mùa A T phạm tội trộm cắp tài sản.
 - 2. Hình phạt:** Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS, xử phạt bị cáo Mùa A T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2017.
 - 3. Trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 42 BLHS, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Mùa A T bồi thường cho anh Mùa A C 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền công đi tìm tài sản.
 - 4. Vật chứng:** Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS tuyên tịch thu bán sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Sam Sung (VIETTEL) số MODEL: GT-E2121 B; 01 chiếc xe máy màu đen, hiệu FIGO, biển kiểm soát 27F9-5458, kèm giấy đăng ký mô tô, xe máy số 014481 mang tên Mùa A T.
- Trả lại cho anh Mùa A C 9.600.000đ (chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Đặc điểm vật chứng được ghi theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo.

5. Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (06/12/2017).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Công an huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Thương